

Số: 404/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 17 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Ông Dương Quốc T, sinh năm 1973 ;
2. Bà Lưu Thị Mỹ H, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Số B2-07 khu phố A, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Minh H và ông Dương Quốc T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01, đăng ký ngày 26/02/1997 tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong giải quyết việc gia đình và nuôi dạy con cái nên thường xuyên cãi vã, nay cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng do đã ly thân với nhau trên 10 năm nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà H và ông T không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện

và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 12/1998, quyền số 01 ngày 12/8/1998 và bản sao Giấy khai sinh số 86, quyền số 01 ngày 22/4/2002 của Ủy ban nhân dân phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời khai nhận của ông Dương Quốc T và bà Lưu Thị Mỹ H, ông T và bà H có 02 (hai) con chung là Dương Hoàng L (Nam), sinh ngày 23/12/1997 (đã thành niên) và Dương Hoàng D (Nữ), sinh ngày 07/4/2002 (đã thành niên)

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí việc dân sự: bà H và ông T chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Minh H và ông Dương Quốc T thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền số 01, đăng ký ngày 26/2/1997 tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2 Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 12/1998, quyền số 01 ngày 12/8/1998 và bản sao Giấy khai sinh số 86, quyền số 01 ngày 22/4/2002 của Ủy ban nhân dân phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời khai nhận của ông Dương Quốc T và bà Lưu Thị Mỹ H, ông T và bà H có 02 (hai) con chung là Dương Hoàng L (Nam), sinh ngày 23/12/1997 (đã thành niên) và Dương Hoàng D (Nữ), sinh ngày 07/4/2002 (đã thành niên)

1.3 Về tài sản chung: cả hai đương sự xác nhận tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

1.4 Về nợ chung: cả hai đương sự xác nhận nợ chung không có

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng Bà Lưu Thị Minh H và ông Dương Quốc T tự nguyện chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0042510 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lưu Thị Minh H và ông Dương Quốc T đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND P. C, Q1;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong